**DANH MỤC**

**BÁO CÁO ĐỊNH KỲ CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

*(Thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 30 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ)*

| **Stt** | **Tên báo cáo** | **Đối tượng thực hiện báo cáo** | **Cơ quan nhận báo cáo** | **Tần suất thực hiện báo cáo** | **Văn bản quy định chế độ báo cáo** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I** | **Lĩnh vực nội vụ** |
|  | Báo cáo kết quả triển khai thực hiện quy định một số biện pháp chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính của tỉnh Quảng Ngãi. | - Các sở, ban ngành.- UBND các huyện, thành phố. | - UBND tỉnh.- Sở Nội vụ. | 04 lần/năm (quý, 6 tháng, năm). | Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 07/5/2013 của UBND tỉnh ban hành quy định một số biện pháp chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính của tỉnh Quảng Ngãi. |
|  | Báo cáo kết quả thực hiện quy định trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của tỉnh Quảng Ngãi. | Sở Nội vụ. | UBND tỉnh. | 01 lần/năm. | Quyết định số 19/2018/QĐ-UBND ngày 10/8/2018 của UBND tỉnh ban hành quy định trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của tỉnh Quảng Ngãi. |
| **II** | **Lĩnh vực tư pháp** |
|  | Báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật. | - Các sở, ban ngành.- UBND các huyện, thành phố. | Sở Tư pháp. | 01 lần/năm. | Quyết định số 282/QĐ-UBND ngày 15/6/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế phối hợp trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. |
|  | Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. | - Các sở, ban ngành.- UBND các huyện, thành phố. | Sở Tư pháp. | 02 lần/năm: 06 tháng, năm. | Quyết định số 283/QĐ-UBND ngày 15/6/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế phối hợp trong quản lý nhà nước công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. |
|  | Báo cáo kết quả thực hiện công tác bồi thường của nhà nước. | - Các sở, ban ngành.- UBND các huyện, thành phố. | Sở Tư pháp. | 02 lần/năm:- Báo cáo 6 tháng: Trước 15/4.- Báo cáo năm: Trước 16/10. | Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 02/01/2019 của UBND tỉnh triển khai công tác bồi thường của nhà nước năm 2019 trên địa bàn tỉnh. |
|  | Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh. | - Các sở, ban ngành.- Hội đồng phổ biến giáo dục pháp luật các huyện, thành phố. | Sở Tư pháp (Cơ quan thường trực của Hội đồng). | 02 lần/năm: 06 tháng, năm. | Quyết định số 03/QĐ-HĐPBGDPL ngày 23/7/2018 ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh Quảng Ngãi. |
| **III** | **Lĩnh vực công thương** |
|  | Báo cáo tình hình sản xuất công nghiệp, thương mại. | Sở Công Thương. | - UBND tỉnh.- Sở Kế hoạch và Đầu tư. | 12 lần/năm: tháng, quý, năm. | Quyết định số 231/2003/QĐ-UBND ngày 09/12/2003 của UBND tỉnh. |
|  | Đánh giá tình hình hoạt động, phát triển các Cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. | Sở Công Thương. | UBND tỉnh. | 02 lần/năm: Báo cáo định kỳ 31/7 hàng năm và tháng 01 năm sau. | Quyết định số 01/2019/QĐ-UBND ngày 02/01/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế phối hợp quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. |
|  | Báo cáo kết quả thực hiện Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” trên địa bàn tỉnh.  | Sở Công Thương. | UBND tỉnh. | 02 lần/năm: 06 tháng và 01 năm. | Kế hoạch số 5801/KH-UBND ngày 12/11/2015 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Đề án Phát triển thị trường trong nước gắn với Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. |
|  | Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 49/NQ-CP ngày 10/7/2018. | Sở Công Thương. | UBND tỉnh. | 01 lần/năm. | Quyết định số 445/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 49/NQ-CP ngày 10/7/2014 của Chính phủ. |
| **IV** | **Lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn** |
|  | Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. | - Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.- Các sở, ban, ngành.- UBND các huyện, thành phố. | - UBND tỉnh.- Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh. | 03 lần/năm: 06 tháng, 9 tháng, năm. | Công văn số 1083/UBND-NNTN ngày 03/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh. |
|  | Báo cáo kết quả thực hiện và kế hoạch công tác dồn điền đổi thửa. | - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.- UBND các huyện, thành phố. | - UBND tỉnh.- Sở Tài chính. | 01 lần/năm. | Quyết định số 50/2016/QĐ-UBND ngày 15/9/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy định chính sách hỗ trợ khuyến khích thực hiện chủ trương “dồn điền đổi thửa” đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016 - 2020. |
|  | Báo cáo kết quả thực hiện công tác thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng công trình. | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. | UBND tỉnh. | 02 lần/năm. | Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ngày 11/01/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định về một số nhiệm vụ quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. |
|  | Báo cáo công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản. | - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.- UBND các huyện, thành phố.- UBND các xã, phường, thị trấn. | - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.- UBND tỉnh. | 12 lần/năm: tháng, 6 tháng, năm. | Quyết định 16/2016/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Ngãi, Công văn số 4486/BNN-QLCL ngày 31/5/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc đôn đốc thực hiện nhiệm vụ trọng tâm năm cao điểm hành động và sửa đổi biễu mẫu. |
|  | Báo cáo tổng kết công tác phòng chống thiên tai năm vừa qua, nhiệm vụ triển khai trong năm tiếp theo. | Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh. | - UBND tỉnh.- Các cơ quan ở Trung ương. | 02 lần/năm: 06 tháng, năm. | Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 17/3/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định chi tiết một số nội dung về phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. |
|  | Báo cáo kết quả thực hiện Đề án kiên cố hóa kênh mương thủy lợi năm và kế hoạch thực hiện năm tiếp theo. | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. | - HĐND tỉnh. - UBND tỉnh. | 02 lần/năm: 06 tháng, năm. | Quyết định số 46/2016/QĐ-UBND ngày 09/9/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Đề án Kiên cố hóa kênh mương thủy lợi gắn với Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016 - 2020. |
| **V** | **Lĩnh vực giao thông vận tải** |
|  | Đánh giá tình hình, kết quả hoạt động kinh doanh vận tải hành khách trong các khu du lịch và bến khách ngang sông trên địa bàn tỉnh. | UBND các huyện, thành phố. | Sở Giao thông vận tải. | 02 lần/năm: 06 tháng, năm. | Quyết định số 44/2015/QĐ-UBND ngày 27/8/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về tổ chức quản lý hoạt động kinh doanh vận tải hành khách trong các khu du lịch và bến khách ngang sông trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. |
|  | Tình hình thực hiện các giải pháp đảm bảo trật tự an toàn giao thông. | - Các sở, ngành.- UBND các huyện, thành phố.- Tổ chức chính trị - xã hội.- Các cơ quan đơn vị, doanh nghiệp. | Sở Giao thông vận tải. | 02 lần/năm: 06 tháng, năm. | Kế hoạch số 1384/KH-UBND ngày 29/3/2016 của UBND tỉnh thực hiện các giải pháp tăng cường bảo đảm trật tự an toàn giao thông, giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. |
|  | Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản hạ tầng đường bộ. | - Ban Quản lý KKT Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi.- UBND cấp huyện. | Sở Giao thông vận tải. | 01 lần/năm: Trước ngày 15/11 hàng năm. | Quyết định số 31/2015/QĐ-UBND ngày 21/7/2015 của UBND tỉnh ban hành Quy định việc quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. |
|  | Báo cáo tình hình thực hiện Đề án phát triển giao thông nông thôn. | - Các sở, ban, ngành.- UBND các huyện, thành phố. | Sở Giao thông vận tải. | 04 lần/năm: 3, 6, 9 tháng và năm. | Quyết định số 656/QĐ-UBND ngày 05/12/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy chế quản lý thực hiện Đề án Phát triển giao thông nông thôn, thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016 - 2020. |
|  | Báo cáo kết quả thực hiện công tác quản lý, vận hành khai thác, bảo trì, tổ chức giao thông đường giao thông nông thôn.  | - Các sở, ban, ngành.- UBND các huyện, thành phố. | Sở Giao thông vận tải. | 02 lần/năm: 06 tháng, năm. | Quyết định số 66/2014/QĐ-UBND ngày 26/12/2014 của UBND tỉnh ban hành Quy định trách nhiệm quản lý, vận hành khai thác, bảo trì, tổ chức giao thông đường giao thông nông thôn và phê duyệt quy trình quản lý, vận hành khai thác, bảo trì các công trình đặc biệt trên đường giao thông nông thôn thuộc địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. |
|  | Báo cáo tình hình quản lý khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. | - Ban Quản lý KKT Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi.- UBND cấp huyện. | Sở Giao thông vận tải. | 02 lần/năm: 6 tháng, năm. | Quyết định số 15/2015/QĐ-UBND ngày 14/4/2015 của UBND tỉnh ban hành quy định về quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương thuộc tỉnh Quảng Ngãi. |
| **VI** | **Lĩnh vực bảo trợ xã hội** |
|  | Báo cáo kết quả thực hiện Đề án hỗ trợ thực hiện chính sách xã hội cho đối tượng lang thang, xin ăn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. | - Trung tâm Công tác xã hội tỉnh.- UBND các huyện, thành phố. | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. | 02 lần/năm: 06 tháng, năm. | Quyết định số 13/2018/QĐ-UBND ngày 19/4/2018 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án hỗ trợ thực hiện chính sách xã hội cho đối tượng lang thang, xin ăn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020. |
|  | Báo cáo kết quả thực hiện hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm y tế giai đoạn 2018 - 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. | - Các Sở: Lao động - thương binh và xã hội; Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Tài chính; Bảo hiểm xã hội tỉnh.- UBND các huyện, thành phố. | - Bảo hiểm xã hội tỉnh.- Sở Tài chính. | 04 lần/năm: Hàng quý, 06 tháng, năm. | Nghị quyết số 58/2017/NQ-HĐND ngày 09/12/2017 của HĐND tỉnh về hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm y tế giai đoạn 2018 - 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. |
| **VII** | **Lĩnh vực giảm nghèo** |
|  | Báo cáo kết quả thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020. | - Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.- UBND các huyện, thành phố. | - UBND tỉnh.- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. | 01 lần/năm. | Nghị quyết số 37/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 về việc thông qua Kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020. |
| **VIII** | **Lĩnh vực phòng chống tệ nạn xã hội** |
|  | Báo cáo mức thù lao hằng tháng đối với thành viên Đội công tác xã hội tình nguyện tại xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh. | UBND các huyện, thành phố. | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. | 02 lần/năm: 06 tháng, năm. | - Nghị quyết số 22/2014/NQ-HĐND ngày 31/7/2014 của HĐND tỉnh quy định mức thu hằng tháng đối với thành viên Đội công tác xã hội tình nguyện tại xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.- Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 12/9/2014 của UBND tỉnh quy định mức thu hằng tháng đối với thành viên Đội công tác xã hội tình nguyện tại xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. |
|  | Báo cáo Quy chế phối hợp trong việc lập hồ sơ và tổ chức cai nghiện ma túy đối với người bị đề nghị áp dụng biện pháp xử lý đưa vào cai nghiện bắt buộc trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. | - Trung tâm công tác xã hội tỉnh.- Phòng Lao động - thương binh và xã hội.- UBND xã, phường, thị trấn. | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. | - Cấp xã: 03 tháng/lần.- Trung tâm công tác xã hội: Hàng tháng. | Quyết định số 12/2018/QĐ-UBND ngày 11/4/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp trong việc lập hồ sơ và tổ chức cai nghiện ma túy đối với người bị đề nghị áp dụng biện pháp xử lý đưa vào cai nghiện bắt buộc trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. |
| **IX** | **Lĩnh vực đào tạo nghề** |
|  | Báo cáo kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh. | - Cơ sở giáo dục nghề nghiệp.- Doanh nghiệp có đào tạo nghề cho lao động. | - UBND tỉnh.- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. | 01 lần/năm. | Quyết định số 30/2018/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 của UBND tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. |
| **X** | **Lĩnh vực việc làm - an toàn lao động** |
|  | Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình Việc làm tỉnh Quảng Ngãi. | - Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư; Nội vụ; Tài chính; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.- Ngân hàng chính sách xã hội.- UBND các huyện, thành phố. | - UBND tỉnh.- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. | 01 lần/năm. | - Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 15/7/2016 của HĐND tỉnh về Chương trình việc làm tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020.- Quyết định 54/2016/QĐ-UBND ngày 05/10/2016 của UBND tỉnh ban hành Chương trình việc làm tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020. |
|  | Báo cáo kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động trên địa bàn tỉnh đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. | - UBND các huyện, thành phố.- Phòng Lao động - Thương binh và xã hội. | - UBND tỉnh.- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. | 01 lần/năm. | - Nghị quyết số 23/2018/NQ-HĐND ngày 10/10/2018 của HĐND tỉnh Ban hành chính sách hỗ trợ người lao động trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;* - Quyết định số 02/2019/QĐ-UBND ngày 28/01/2019 của UBND tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ người lao động trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.
 |
|  | Báo cáo vay vốn hỗ trợ việc làm từ nguồn vốn ngân sách tỉnh, huyện ủy thác qua Ngân hàng chính sách tỉnh Quảng Ngãi để cho vay giải quyết việc làm Vốn vay từ Quỹ quốc gia về việc làm. | - Các Sở: Lao động - Thương binh và xã hội; Tài chính; Kế hoạch và đầu tư. - Ngân hàng chính sách.- UBND các huyện, thành phố. | - UBND tỉnh.- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. | 02 lần/năm: 06 tháng, năm. | Quyết định số 57/2017/QĐ-UBND ngày 31/8/2017 của UBND tỉnh ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội để vay đối với người nghèo và đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. |
| **XI** | **Lĩnh vực giáo dục và đào tạo** |
|  | Báo cáo kết quả thuyên chuyển công chức, viên chức đang công tác tại các cơ sở giáo dục công lập và phòng giáo dục và đào tạo miền núi, hải đảo về đồng bằng, thành phố Quảng Ngãi. | - UBND các huyện, thành phố.- Các cơ sở giáo dục công lập. | Sở Giáo dục và Đào tạo. | 01 lần/năm. | Quyết định số 53/2013/QĐ-UBND ngày 05/12/2013 của UBND tỉnh ban hành Quy định về thuyên chuyển công chức, viên chức đang công tác tại các cơ sở giáo dục công lập và phòng giáo dục và đào tạo tại miền núi, hải đảo về đồng bằng, thành phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. |
|  | Báo cáo kết quả thực hiện quy định một số mức chi hỗ trợ phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi, xóa mù chữ và chống tái mù chữ, duy trì kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở đúng độ tuổi và hỗ trợ phổ cập giáo dục trung học trên địa bàn tỉnh. | Sở Giáo dục và Đào tạo. | UBND tỉnh. | 01 lần/năm. | Quyết định số 47/2014/QĐ-UBND ngày 30/9/2014 của UBND tỉnh quy định một số mức chi hỗ trợ phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi, xóa mù chữ và chống tái mù chữ, duy trì kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở đúng độ tuổi và hỗ trợ phổ cập giáo dục trung học trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. |
|  | Báo có kết quả thực hiện dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh. | - Sở Giáo dục và Đào tạo.- UBND cấp huyện. | UBND tỉnh. | 01 lần/năm. | Quyết định số 51/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh Quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. |
|  | Báo cáo kết quả thực hiện Đề án tuyển chọn học sinh, sinh viên tỉnh Quảng Ngãi cử đi đào tạo trong và ngoài nước giai đoạn 2016 - 2020 và những năm tiếp theo. | Sở Giáo dục và Đào tạo. | UBND tỉnh. | 01 lần/năm. | Quyết định số 69/2016/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh ban hành Đề án tuyển chọn học sinh, sinh viên tỉnh Quảng Ngãi cử đi đào tạo trong và ngoài nước giai đoạn 2016 - 2020 và những năm tiếp theo. |
|  | Báo cáo kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh Quảng Ngãi từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2020 - 2021. | Sở Giáo dục và Đào tạo. | UBND tỉnh. | 01 lần/năm. | Quyết định số 68/2017/QĐ-UBND ngày 03/10/2017 của UBND tỉnh ban hành Quy định chính sách hỗ trợ sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh Quảng Ngãi từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2020 - 2021. |
|  | Báo cáo kết quả thực hiện Quy định khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh trường phổ thông dân tộc bán trú trên địa bàn tỉnh. | Sở Giáo dục và Đào tạo. | UBND tỉnh. | 01 lần/năm. | Quyết định số 68/2016/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh Quy định khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh trường phổ thông dân tộc bán trú trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. |
| **XII** | **Lĩnh vực ngoại vụ** |
|  | Báo cáo kết quả hoạt động hàng năm và xây dựng kế hoạch công tác năm tiếp theo của Ban Chỉ đạo Biển Đông - Hải đảo. | - Các sở, ban ngành là thành viên của Ban Chỉ đạo Biển Đông - Hải đảo.- UBND các huyện, thành phố là thành viên của Ban Chỉ đạo Biển Đông - Hải đảo. | Sở Ngoại vụ. | 01 lần/năm. | Quyết định số 01/QĐ-BCĐ ngày 18/7/2013 của Ban Chỉ đạo Biển Đông - Hải đảo tỉnh. |
|  | Báo cáo tình hình sử dụng và quản lý hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ. | - Các sở, ban, ngành.- UBND các huyện, thành phố. | Sở Ngoại vụ. | 01 lần/năm. | Quyết định 07/2019/QĐ-UBND ngày 28/3/2019 của UBND tỉnh ban hành quy định sử dụng và quản lý hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. |
|  | Báo cáo kết quả đoàn ra, đoàn vào hàng năm và kế hoạch đoàn ra, đoàn vào năm tiếp theo. | - Các sở, ban, ngành.- UBND các huyện, thành phố. | Sở Ngoại vụ. | 01 lần/năm. | - Quyết định số 272-QĐ/TW ngày 21/01/2015.- Quyết định số 323-QĐ/TU ngày 16/6/2015. |
|  | Báo cáo kết quả thực hiện công tác hội nhập quốc tế. | - Các sở, ban, ngành.- UBND các huyện, thành phố. | Sở Ngoại vụ. | 02 lần/năm. | Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 22/4/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế. |
|  | Báo cáo công tác đối ngoại. | - Các sở, ban, ngành.- Các Hội đoàn thể trên địa bàn tỉnh.- UBND các huyện, thành phố. | Sở Ngoại vụ. | 02 lần/năm. | - Quyết định số 272-QĐ/TW ngày 21/01/2015 của Bộ Chính trị khóa XII.- Quyết định số 323-QĐ/TU ngày 16/6/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. |
| **XII** | **Lĩnh vực dân tộc** |
|  | Báo cáo kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ, biểu dương, khen thưởng đối với hộ gia đình, thôn, xã, huyện thoát nghèo ở vùng miền núi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. | - Các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội; Giáo dục và Đào tạo và Nội vụ.- UBND các huyện, thành phố. | - UBND tỉnh.- Ban Dân tộc tỉnh. | 02 lần/năm: 06 tháng, năm. | Quyết định số 37/2017/QĐ-UBND ngày 02/6/2017 của UBND tỉnh ban hành Quy định về hỗ trợ, biểu dương, khen thưởng đối với hộ gia đình, thôn, xã, huyện thoát nghèo ở vùng miền núi tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016 - 2020. |